TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Kiên Ngọc Minh.
2/. Ông Trương Thanh Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HN ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết đinh hoản phiên tòa số 94/2024/QĐ-HPT, ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Bảo T, sinh ngày 1990. Nơi cư trú: ấp Lê Văn X, xã Ngọc Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt -có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Lâm Bảo T trình bày: *Ông* với bà Lê Thị Thu T kết hôn do hai bên tự tìm hiểu, quen biết, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Chúng tôi đã sống ly thân với từ ngày cuối năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: có một người tên Lâm Lê Gia H, sinh ngày 31/3/2009, hiện đang sống với ông T.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng tôi.

Nay, về hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với chị T, về con chung, ông Trung yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết; Về số nợ phải thu, phải chi: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì.

Bị đơn bà Lê Thị Thu T vắng mặt nên không có lời trình bày:

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn, vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bỗ sung cung cấp chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Nguyễn Tấn M chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật HNGĐ năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Bảo T

Về hôn nhân: Cho anh Lâm Bảo T được ly hôn với chị Lê Thị Thu T. *Về con chung:* Giao cháu Lâm Lê Gia H, sinh ngày 31/3/2009 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. *Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu giải quyết. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về xác định quan hệ tranh chấp***: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lâm Bảo T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Thu T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[3] Về nội dụng vụ án:

[3.1] ***Về quan hệ hôn nhân***: ông T, bà T xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào 07/12/2011 theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa ông Lâm Bảo T và bà Lê Thị Thu T là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] ***Xét về nguyên nhân mâu thuẫn***: Ông T cho rằng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2019. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, làm cho vợ chồng sống không hạnh phúc mà không thể khắc phục. Vào cuối năm 2019 thì hai vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Qúa trình giải quyết vụ án, do bà Thu T bỏ đi thời gian đã 05 năm không có liên lạc được nên ông T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích. Tại Quyết định số 07/2023/QĐST-VDS ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long ra quyết định tuyên bố bà Lê Thị Thu T mất tích. Và từ khi có quyết định của Toà án tuyên bố bà T mất tích thì ông T bỗ sung thủ tục ly hôn theo quy định pháp luật.

Như vậy, việc bà Thu T đã mất tích cho nên việc ly hôn của ông T là có căn cứ để chấp nhận. Cho ông Lâm Bảo T được ly hôn với bà Lê Thị Thu T.

[3.3] ***Về con chung*****:** Có một người tên Lâm Lê Gia H, sinh ngày 31/3/2009, hiện đang sống với ông T, ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyện vọng của cháu Huy mong muốn được sống chung với ông T. Cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.4] ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** Ông T chưa đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] ***Về tài sản chung***: Ông T, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] ***Về nợ chung phải thu, phải trả***: Ông T xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.7] ***Về án phí:*** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều Điều 19, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Bảo T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Lâm Bảo T được ly hôn với bà Lê Thị Thu T.

- *Về con chung*: Ông Lâm Bảo T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Lê Gia H, sinh ngày 31/3/2009.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông T chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung:phải thu, phải trả*: Không có, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Ông Lâm Bảo T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017853 ngày 19/10/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, Ông Lâm Bảo T đã nộp đủ tiền án phí. Bà Lê Thị Thu T không phải chịu án phí.

2. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Sa Rên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.